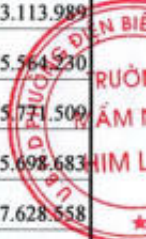


BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP THEO LƯƠNG,
CÁC KHOẢN TRÍCH NỘP THEO LƯƠNG
Tháng 1 năm 2026

Mức lương cơ bản: 2.340.000 đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mã ngạch lương	Lương hệ số									Các khoản trừ vào lương				Số thực lĩnh		
				Hệ số lương	Hệ.s PC chức vụ	Hệ số phụ cấp khác						Cộng hệ số	Thành tiền	BHXH 8%	BHYT 1,5%	BHTN 1%		Cộng	
						Khu vực	TN	PC V.kh		PC thâm niên									PC ưu đãi ngành 50%
								%	Hệ số	%	Hệ số								
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13	14	15	16	17
1	Lò Thị Kim Thông	HT	V.07.02.25	4,98	0,50	0,5		5%	0,25	28%	1,548	2,86	10,642	24.902.046	1.362.329	255.437	170.291	1.788.057	23.113.989
2	Nguyễn Thị Thúy	HP	V.07.02.25	4,98	0,35	0,5		13%	0,65	39%	2,331	2,99	11,797	27.605.649	1.555.367	291.631	194.421	2.041.420	25.564.230
3	Lò Thị Hồng Nhung	HP	V.07.02.25	3,66	0,35	0,5				18%	0,722	2,01	7,237	16.934.112	885.793	166.086	110.724	1.162.603	15.771.509
4	Khổng Thị Oanh	GV	V.07.02.25	3,99		0,5				18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	GV	V.07.02.25	4,32	0,20	0,5				18%	0,814	2,26	8,094	18.939.024	998.450	187.209	124.806	1.310.466	17.628.558
6	Nguyễn Thị Hoài Thanh	GV	V.07.02.25	4,98		0,5				25%	1,245	2,49	9,215	21.563.100	1.165.320	218.498	145.665	1.529.483	20.033.618
7	Lê Thị Hiền	GV-TT	V.07.02.25	4,65		0,5				19%	0,884	2,33	8,359	19.558.890	1.035.871	194.226	129.484	1.359.581	18.199.309
8	Đinh Thị Dương	GV	V.07.02.26	3,96		0,5				19%	0,752	1,98	7,192	16.830.216	882.161	165.405	110.270	1.157.837	15.672.379
9	Nguyễn Thị Huyền	GV	V.07.02.26	3,96		0,5				19%	0,752	1,98	7,192	16.830.216	882.161	165.405	110.270	1.157.837	15.672.379
10	Hà Thị Hiền	GV-TP	V.07.02.26	3,96	0,15	0,5				18%	0,740	2,06	7,405	17.327.232	907.883	170.228	113.485	1.191.596	16.135.636
11	Trần Thị Hồng Nhung	GV	V.07.02.26	3,65		0,5				18%	0,657	1,83	6,632	15.518.880	806.270	151.176	100.784	1.058.230	14.460.650
12	Nguyễn Thu Dung	GV	V.07.02.26	3,65		0,5				15%	0,548	1,83	6,523	15.262.650	785.772	147.332	98.222	1.031.326	14.231.324
13	Nguyễn Thị Huế	GV	V.07.02.26	3,96	0,15	0,5				19%	0,781	2,06	7,446	17.423.406	915.576	171.671	114.447	1.201.694	16.221.712
14	Bùi Thị Thảo	GV-TP	V.07.02.26	3,96		0,5				17%	0,673	1,98	7,113	16.644.888	867.335	162.625	108.417	1.138.377	15.506.511
15	Phạm Thị Lan	GV	V.07.02.26	3,96	0,20	0,5				18%	0,749	2,08	7,489	17.523.792	918.927	172.299	114.866	1.206.092	16.317.700
16	Vương T Thanh Hoa	GV-TT	V.07.02.25	3,99		0,5				18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683



17	Cao Thị Thu Nghĩa	GV	V.07.02.25	4,32		0,5			17%	0,734	2,16	7,714	18.051.696	946.184	177.409	118.273	1.241.866	16.809.830
18	Lò Thị Lâ	GV	V.07.02.25	3,99		0,5			18%	0,718	2,00	7,203	16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683
19	Quản Thị Nhân	GV	V.07.02.26	3,65		0,5			16%	0,584	1,83	6,559	15.348.060	792.605	148.613	99.076	1.040.294	14.307.766
20	Phùng Thị Hương	GV	V.07.02.26	3,34		0,5			13%	0,434	1,67	5,944	13.909.428	706.530	132.474	88.316	927.321	12.982.107
21	Nguyễn T Thu Phương	GV	V.07.02.25	3,30		0,5			10%	0,330	1,65	5,780	13.525.200	679.536	127.413	84.942	891.891	12.633.309
22	Lò Thị Nhoi	GV	V.07.02.26	3,03		0,5			10%	0,303	1,52	5,348	12.514.320	623.938	116.988	77.992	818.918	11.695.402
23	Lường Thị Mai	GV	V.07.02.26	3,03		0,5			8%	0,242	1,52	5,287	12.372.516	612.593	114.861	76.574	804.029	11.568.487
24	Cà Thị Phượng	GV	V.07.02.26	3,96		0,5			18%	0,713	1,98	7,153	16.737.552	874.748	164.015	109.344	1.148.107	15.589.445
25	Vũ Thị Hồng Thắm	KT-TT	06.031	3,66	0,20	0,5	0,1					4,460	10.436.400	722.592	135.486	90.324	948.402	9.487.998
Cộng				98,89	2,1	12,5	0,1	0,896		18,691	49,01	182,19	426.325.737	22.572.068	4.232.263	2.821.507	29.625.838	396.699.897
Lương Hợp Đồng																		
1	Đỗ Văn Thống	BV											4.140.000	331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
2	Nguyễn Xuân Lợi	BV											4.140.000	331.200	62.100	41.400	434.700	3.705.300
Cộng													8.280.000	662.400	124.200	82.800	869.400	7.410.600
Cộng tổng				98,89	2,10	12,5	0,1	0,8964		18,691	49,01	182,19	434.605.737	23.234.468	4.356.463	2.904.307	30.495.238	404.110.497

Tổng số tiền (bằng chữ) : Bốn trăm linh bốn triệu , một trăm mười nghìn bốn trăm chín bảy đồng./

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)



Vũ Thị Hồng Thắm

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)



Vũ Thị Hồng Thắm

Ngày 28 tháng 1 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Lò Thị Kim Thông